

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số:230/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh Huỳnh Văn P, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Bị đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1978.

1. Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Anh Huỳnh Văn P có mặt, chị Trương Thị M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Huỳnh Văn P, trình bày: Vào năm 1996 anh và chị M là được mai mối, được hai bên gia đình đồng ý làm đám cưới và không có đăng ký kết hôn vì không biết việc đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình anh. Cuộc sống lúc đầu cũng hạnh phúc, vui vẻ nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng ý kiến trong cuộc sống vợ chồng nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị M. Về con chung: Anh và chị M chung sống với nhau có 02 con chung tên: Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1997 và Huỳnh Bích H, sinh ngày 15/9/2008, cháu T đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh thống nhất giao con chung Huỳnh Bích H cho chị M nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị M đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Về nợ chung: Anh và chị M chung sống với nhau không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Trương Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P cưới nhau vào ngày 29/7/1996 âm lịch, hôn nhân do quen biết nhau trước và không có đăng ký kết hôn vì lúc đó không biết vợ chồng cưới nhau phải đi đăng ký kết hôn, sau này lo đi làm ăn nên cũng không nghĩ đến việc đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng sống chung gia đình anh P được khoảng 02 năm thì ra ở riêng. Cuộc sống lúc đầu cũng hạnh phúc, vui vẻ nhưng khoảng năm 2014 thì anh P lên Bình Dương làm, chị cũng có nói với anh P là chị cũng muốn lên Bình Dương làm cùng anh P nhưng anh P không đồng ý. Đến cuối năm 2019 thì chị phát hiện anh P có người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh P có đánh chị, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh P cũng thường đi về tới lui thăm mẹ con chị nhưng vẫn sống chung với người khác. Nay anh P yêu cầu ly hôn với chị, chị thống nhất ly hôn vì tình cảm không còn, hôn nhân không hàn gắn được. Về con chung: Chị và anh P chung sống với nhau có 02 con chung tên: Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1997 và Huỳnh Bích H, sinh ngày 15/9/2008, cháu T đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu H hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh P đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Về nợ chung: Chị và anh P chung sống với nhau không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án, về hôn nhân:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn P và chị Trương Thị M. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị M, giao con chung Huỳnh Bích H, sinh ngày 15/9/2008 cho chị M nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: vợ chồng đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Trương Thị M là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Trương Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của anh P, theo xác nhận ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Thường Phước 2 thì anh P và chị M chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định... Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý... Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng... Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng... Do đó, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh P và chị M là phù hợp.

[4] Về con chung: Anh P và chị M chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1997 và Huỳnh Bích H, sinh ngày 15/9/2008, cháu Trâm đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, Anh P và chị M không yêu cầu giải quyết. Anh P, chị M cùng ý kiến, không trái quy định pháp luật nên chấp nhận: Chị Trương Thị M được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Bích

Hữu, sinh ngày 15/9/2008. Chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền thăm nom con: Anh P được quyền thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

8.1. Anh Huỳnh Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số BH/2018/0001094 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Anh Huỳnh Văn P không phải nộp thêm.

8.2. Chị Trương Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Huỳnh Văn P và chị Trương Thị M.

2. Về con chung:

2.1. Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1997, đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Chị Trương Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Bích H, sinh ngày 15/9/2008.

2.3. Anh Huỳnh Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trương Thị M tự nguyện không yêu cầu.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Văn P chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BI/2019/0013117 ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Chí Thúc